TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH KIÊN GIANG** --- *Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST* *Ngày: 14/10/2019* *V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nhâm Đức Hùng**
2. Ông **Hà Ứng Cương**

- Thư ký phiên toà: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 06 năm 2019 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1989

HKTT: ấp PN, xã MT B, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp BL, xã MH, huyện CT, tỉnh Kiên Giang

Chị M có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh **Ngô Quốc T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp PN, xã MT B, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/05/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị M và anh Ngô Quốc T, tự nguyện quen biết nhau, đến năm 2016 chúng tôi tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MT B, huyện CT, Kiên Giang và được UBND xã MT B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62/2016, ngày 06 tháng 5 năm 2016. Trong quá trình chung sống chúng tôi có một người con chung

là cháu Ngô Nguyễn Bình A, sinh ngày 05/12/2018, vợ chồng chị M, anh Tkhông có tài sản chung, không có nợ chung.

Kể từ khi chị M sinh con, vợ chồng chị M, anh T thường xảy ra mâu thuẫn gia đình dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong khi đó anh T không cùng chung sống, không thực hiện nghĩa vụ của người làm chồng. Dù đã cố gắng hàn gắn nhưng cuộc sống gia đình ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống.

Nay cuộc sống không còn hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M khởi kiện và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Quốc T;

Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ngô Nguyễn Bình A, sinh ngày 05/12/2018 và không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M cam kết trong quá trình chung sống chị M và anh T không có nợ ai và không ai nợ chúng tôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Quốc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 09/07/2019 anh T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị M quen biết nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 2016, hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã MT B, huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Nay chị M khởi kiện xin ly hôn thì anh Tcó ý kiến sau:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Anh T đồng ý giao cháu Ngô Nguyễn Bình A, sinh ngày 05/12/2018 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Ngô Quốc T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Ngô Quốc T đều khai vào năm 2016 chị M, anh Ttự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT B và được cấp giấp chứng nhận kết hôn số 62/2016 quyển số ngày 06 tháng 5 năm 2016, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M yêu cầu xin được ly hôn với anh Ngô Quốc Tính. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị M và anh T đều xác nhận anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Từ đó vợ chồng không còn tình cảm nên chị M yêu cầu xin được ly hôn với anh T, mặc khác tại bản tự khai ngày 09/07/2019 bị đơn anh Ngô Quốc T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Từ những cơ sở trên cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là hoàn toàn phù hợp theo quy định phápl luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị M và anh T đều xác nhận, trong thời gian chung sống giữa anh chị có một người con chung là cháu Ngô Nguyễn Bình A, sinh ngày 05/12/2018. Chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và anh Tcùng đồng ý giao con chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, HĐXX cần ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị M về quyền yêu cầu anh Ngô Quốc T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng chị M xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Căn cứ vào lời khai của anh Ttrong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M đều xác nhận trong quá trình chung sống anh chị không có tạo lập tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án lời khai của anh T và lời trình bày của chị M tại phiên tòa thì chị M và anh T đều xác nhận anh chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị M là nguyên đơn do đó phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Ngô Quốc T

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Nguyễn Bình A, sinh ngày 05/12/2018 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị M và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị M phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị M được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004989 ngày 03/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

6. Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện CT;*
- *Chi cục THADS huyện CT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Huỳnh Ánh Tuyết